

Bản tin Phân tích kỹ thuật

05/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Mặc dù tăng mạnh đầu ngày nhưng 4111G3000 đóng cửa đảo chiều giảm điểm, vi phạm đường MA20 và MA50 với áp lực điều chỉnh áp đảo. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán tại 1.928 điểm với mục tiêu là vùng giá thấp 1.910 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.935 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.928 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.910 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.935 điểm

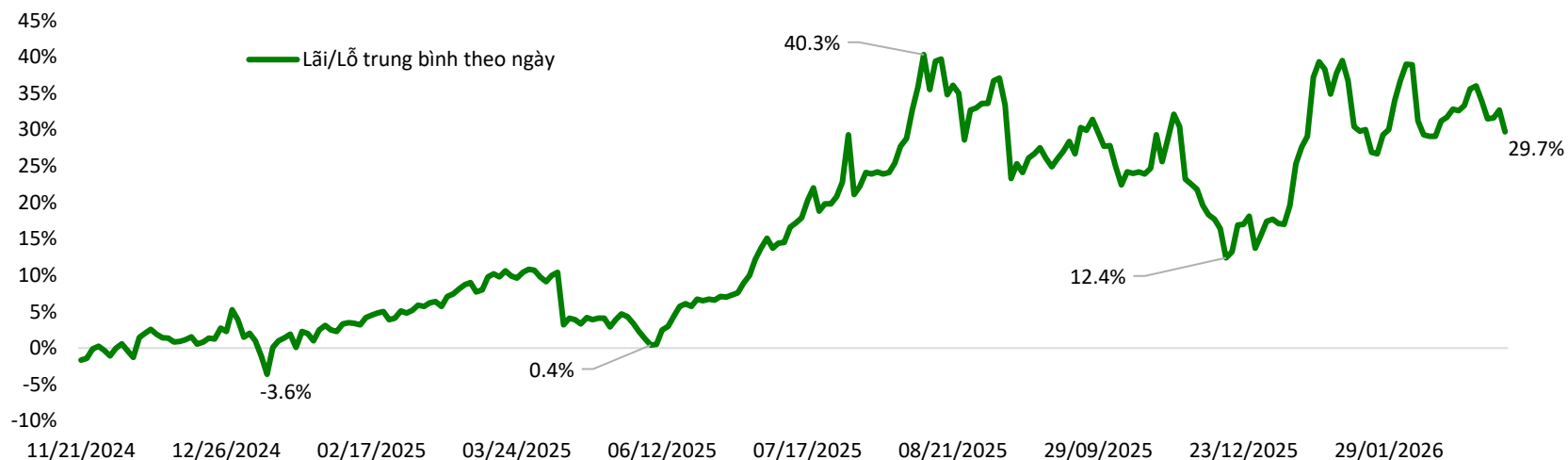
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index thu hẹp hoàn toàn đà tăng sau khi tiếp cận kháng cự 1.840-1.845 (+/-5) điểm cho thấy áp lực điều chỉnh cao trên nhiều mã sàn HOSE, cụ thể là nhóm vốn hóa lớn. Phân khúc vốn hóa vừa và nhỏ tuy sắc đỏ áp đảo nhưng độ biến động có giảm thiểu vs phiên 04/03. Trong ngắn hạn, VN30-Index có tín hiệu Tiêu cực, tất cả các rổ chỉ số còn lại có tín hiệu Trung tính.
- Về hoạt động giao dịch, hoạt động bán không ở mức đột biến nhưng xuất hiện chủ động từ mốc giá cao đầu ngày trên phần lớn nhóm ngành. Hoạt động mua trong ngày duy trì ở mức cao trên nhiều cổ phiếu Chứng khoán. Về kỹ thuật, trên phần lớn các nhóm ngành đều xuất hiện cổ phiếu có tín hiệu hồi phục ổn định nhưng nhóm này ở mức thiếu số (10% cổ phiếu Ngân hàng, 14% cổ phiếu Bất động sản,...).
- VN-Index giảm trở lại sau phiên tăng 04/03 cho thấy hoạt động hồi phục đang bị lấn át bởi áp lực điều chỉnh, xuất phát từ vùng giá cao và điều này chưa thể gia cố khả năng tạo đáy. Trong phiên 06/03, chưa thể loại trừ khả năng chỉ số giảm trở lại vùng 1.760 điểm và điều kiện hiện tại chưa đủ để mở mới các vị thế ngắn hạn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
STB	29/01/2026		Đang mở	64,900	62,600	3.7%	58,400	70,000	64,000	
MWG	12/02/2026	05/03/2026	Dừng lỗ	85,200	91,100	-6.5%	87,000	104,000		
SSI	26/02/2026		Đang mở	33,500	32,000	4.7%	31,000	35,000	32,000	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	164,800	5.91%	-2.43%	1,269,954	20.964	1,739	8.6	94.8	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
GAS	119,700	-6.99%	12.92%	288,830	-5.639	4,730	4.4	25.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	150,100	-6.19%	2.81%	194,299	-3.356	5,520	10.8	27.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
GVR	40,550	-7.00%	-0.61%	162,200	-3.168	1,406	2.9	28.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	35,600	-5.94%	18.67%	178,260	-2.958	1,036	3.0	34.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	44,400	-2.63%	-8.36%	311,748	-2.290	4,279	1.9	10.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	95,000	1.60%	-11.71%	390,204	1.748	10,008	1.7	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	64,700	-6.91%	12.52%	82,207	-1.585	2,122	3.2	30.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	85,200	-4.05%	-8.97%	125,110	-1.416	4,777	3.8	17.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	60,000	-3.23%	-4.76%	138,678	-1.249	2,713	3.1	22.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	62,500	-0.79%	-4.43%	522,230	-1.157	4,210	2.3	14.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VJC	156,400	-4.17%	-12.38%	92,528	-1.076	3,728	3.7	42.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	63,200	-2.62%	-10.48%	132,085	-0.966	4,503	4.3	14.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HPG	27,250	-1.62%	-7.31%	209,156	-0.949	2,013	1.6	13.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	64,900	-2.70%	-3.13%	122,350	-0.922	3,150	2.0	20.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHS	19,700	4.79%	3.68%	17,719	0.265	1,501	1.4	13.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	51,000	-1.92%	10.15%	26,082	-0.157	3,560	1.7	14.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	44,800	-2.82%	-7.82%	17,002	-0.150	5,090	2.6	8.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
KSF	78,000	-0.64%	-6.59%	70,183	-0.140	17,478	4.0	4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBS	28,500	2.15%	4.40%	19,018	0.128	1,884	2.4	15.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HUT	15,900	1.92%	-2.45%	16,986	0.102	434	1.6	36.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	174,000	-0.91%	-3.60%	34,800	-0.099	10,115	6.7	17.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PGS	49,400	-9.69%	-3.89%	2,470	-0.075	2,300	2.4	21.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	11,500	-0.86%	-6.50%	22,133	-0.060	0	1.6	195,298.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TNG	25,400	-5.22%	4.96%	3,270	-0.053	3,163	1.6	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MVN	63,100	-8.95%	-5.82%	77,522	-0.342	1,624	5.5	39.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	43,500	-7.05%	0.69%	49,752	-0.173	10	4.1	4,403.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	51,600	1.57%	-3.73%	184,171	0.143	3,026	2.6	17.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	140,100	-15.09%	-24.72%	15,492	-0.115	6,543	6.3	21.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VSF	29,600	-11.64%	14.73%	15,626	-0.090	57	6.8	548.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	21,900	-7.20%	25.14%	23,216	-0.082	412	2.2	54.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TIN	137,300	12.54%	27.13%	12,147	0.075	11,764	6.1	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	97,400	0.41%	-12.17%	304,944	0.062	3,063	7.4	32.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNH	54,000	-3.57%	-8.47%	22,810	-0.040	2,227	4.0	24.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VNZ	321,200	-6.90%	-7.70%	9,451	-0.032	-5,794	14.5	-55.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

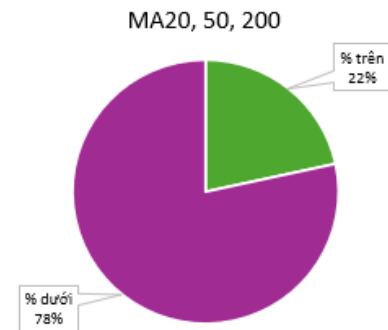
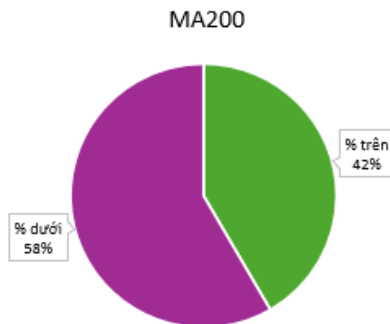
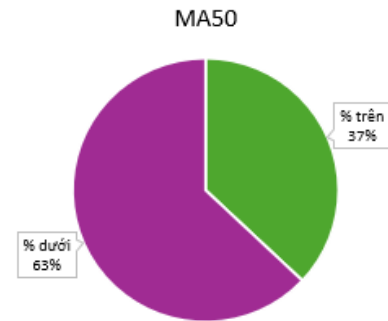
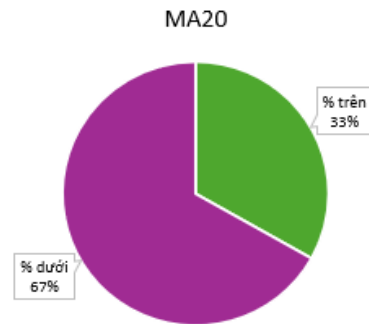
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TIN	137,300	12.5%	6.1	6.5	14,500	124,900	6.1	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	130,000	7.0%	18.3	18.0	15,422	124,300	4.3	8.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	7,400	5.7%	32.3	17.0	4,546	7,000	0.7	29.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVO	10,900	4.8%	5.0	0.7	4,926	10,400	1.0	68.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FPT	84,400	-0.8%	1356.6	1445.4	85,100	120,831	3.9	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ORS	14,750	6.9%	200.7	32.9	7,240	16,600	1.2	41.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VFS	15,200	1.3%	98.8	32.8	13,631	27,314	1.2	14.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			05/03/2026	04/03/2026	03/03/2026	02/03/2026	27/02/2026	26/02/2026	25/02/2026	24/02/2026
VNINDEX	MA200	Trên	40%	43%	45%	45%	48%	47%	49%	49%
		Dưới	60%	57%	55%	55%	52%	53%	51%	51%
	MA50	Trên	38%	39%	42%	45%	53%	54%	54%	55%
		Dưới	62%	61%	58%	55%	47%	46%	46%	45%
	MA20	Trên	32%	34%	38%	42%	55%	59%	59%	57%
		Dưới	68%	66%	62%	58%	45%	41%	41%	43%
VN30	MA200	Trên	60%	67%	67%	73%	80%	80%	80%	77%
		Dưới	40%	33%	33%	27%	20%	20%	20%	23%
	MA50	Trên	33%	33%	37%	43%	70%	77%	73%	67%
		Dưới	67%	67%	63%	57%	30%	23%	27%	33%
	MA20	Trên	30%	30%	33%	37%	63%	77%	73%	63%
		Dưới	70%	70%	67%	63%	37%	23%	27%	37%
HNX	MA200	Trên	43%	43%	46%	45%	47%	45%	46%	45%
		Dưới	57%	57%	54%	55%	53%	55%	54%	55%
	MA50	Trên	40%	41%	45%	44%	48%	46%	48%	45%
		Dưới	60%	59%	55%	56%	52%	54%	52%	55%
	MA20	Trên	43%	43%	46%	45%	47%	45%	46%	45%
		Dưới	57%	57%	54%	55%	53%	55%	54%	55%
UPCOM	MA200	Trên	31%	33%	34%	34%	37%	39%	38%	38%
		Dưới	69%	67%	66%	66%	63%	61%	62%	62%
	MA50	Trên	36%	36%	37%	37%	40%	41%	40%	40%
		Dưới	64%	64%	63%	63%	60%	59%	60%	60%
	MA20	Trên	42%	42%	42%	43%	43%	44%	44%	44%
		Dưới	58%	58%	58%	57%	57%	56%	56%	56%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 3										Tháng 2										Tháng 1	
		05 +	04	03	02	27	26	25	24	23	13	12	11	10	09	06	05	04	03	02	30		
↗ 1	Dầu khí	91	93	92	85	89	86	85	85	78	81	80	80	82	85	85	89	91	92	91	90		
↗ 2	Điện, nước & xăng d...	80	80	81	69	64	62	61	59	54	55	55	55	60	63	63	68	69	70	66	66		
↗ 3	Hóa chất	72	78	81	76	75	75	73	65	57	57	57	58	60	64	67	73	73	69	65	65		
↗ 4	Hàng cá nhân & Gia ...	68	71	69	72	74	74	72	71	67	65	65	64	62	69	73	80	80	78	72	70		
5	Hàng & Dịch vụ Côn...	63	68	68	66	67	64	68	64	56	55	55	53	55	60	63	66	70	66	60	51		
6	Bán lẻ	56	63	69	71	88	88	88	82	76	81	79	75	75	78	80	86	87	86	82	75		
7	Dịch vụ tài chính	55	54	52	58	61	63	62	53	49	36	34	32	32	33	39	44	48	44	43	36		
! 8	Tài nguyên Cơ bản	51	55	57	66	71	72	65	60	58	55	53	53	57	59	65	69	69	64	65	64		
! 9	Xây dựng và Vật liệu	44	47	50	54	61	64	62	58	50	48	48	47	51	49	50	54	55	52	50	46		
! 10	Ô tô và phụ tùng	44	50	54	53	59	61	61	59	52	50	50	46	46	46	50	55	53	51	47	43		
! 11	Thực phẩm và đồ uố...	41	43	44	45	57	63	62	60	53	56	55	55	59	62	63	69	71	70	67	65		
! 12	Ngân hàng	40	43	49	55	62	64	59	55	52	46	46	41	40	42	46	49	53	52	57	52		
! 13	Bảo hiểm	37	47	54	55	63	70	70	68	56	62	66	65	65	70	74	79	72	64	58	59		
↘ 14	Du lịch và Giải trí	31	31	36	45	43	46	51	47	39	38	38	33	31	32	35	41	41	42	43	45		
↘ 15	Bất động sản	26	25	30	31	37	38	39	35	32	34	36	31	28	26	29	31	32	33	33	28		
↘ 16	Công nghệ Thông tin	13	14	17	24	33	34	36	36	39	44	48	47	54	56	55	61	69	69	71	75		

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	164,800	5.9%	-2.4%	1,269,954	8.6	94.8	1,739	922.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
GAS	119,700	-7.0%	12.9%	288,830	4.4	25.3	4,730	656.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	35,600	-5.9%	18.7%	178,260	3.0	34.4	1,036	1,010.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SSI	33,500	-0.6%	3.4%	83,452	2.6	16.7	2,002	2,877.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PLX	64,700	-6.9%	12.5%	82,207	3.2	30.5	2,122	682.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCK	51,300	0.6%	6.3%	78,070	2.7	18.7	2,742	249.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPX	32,950	-0.2%	5.9%	61,781	1.8	14.3	2,298	139.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCI	40,500	-0.9%	9.0%	34,429	1.9	21.9	1,849	833.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HCM	24,500	-0.4%	1.4%	26,459	1.8	16.9	1,454	618.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
DCM	47,700	-4.6%	18.1%	25,252	2.4	12.9	3,702	346.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPM	30,500	-0.3%	15.1%	20,738	1.8	19.3	1,579	592.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	28,700	-2.2%	27.6%	13,487	1.6	13.0	2,210	786.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TIN	137,300	12.5%	27.1%	12,147	6.1	11.3	11,764	6.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ORS	14,750	6.9%	6.1%	9,203	1.2	41.9	352	200.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
BFC	75,100	-1.3%	9.2%	4,293	3.1	13.9	5,421	18.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AGR	16,900	0.6%	1.2%	3,858	1.5	27.2	621	50.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VVS	130,000	7.0%	6.1%	2,798	4.3	8.6	15,160	18.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VOS	17,250	-6.8%	17.3%	2,415	1.1	7.9	2,177	90.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	17,850	-6.1%	16.7%	1,851	1.0	9.3	1,917	58.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVC	20,000	-8.3%	28.2%	1,624	1.7	59.8	334	129.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FPT	84,400	-0.8%	-6.7%	143,776	3.9	15.3	5,511	1,356.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	13,650	0.0%	-3.5%	23,419	1.0	5.6	2,438	17.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	15,650	0.3%	-7.4%	15,616	1.3	29.5	531	197.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	13,750	-2.1%	-10.4%	10,951	1.1	13.9	990	173.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	16,000	-1.2%	-14.4%	9,079	1.5	52.7	304	146.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	6,510	1.1%	-10.6%	3,770	0.6	11.2	581	13.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	18,550	0.3%	-13.1%	3,705	1.3	5.8	3,200	42.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,970	-0.3%	-8.0%	2,683	0.5	40.4	148	68.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	6,060	-0.7%	-8.5%	2,609	0.5	34.2	177	11.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	19,000	-1.3%	-9.5%	2,091	1.6	16.2	1,172	23.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FCN	12,600	0.8%	-9.0%	1,984	0.8	61.3	205	19.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FIR	5,290	5.6%	-15.6%	374	0.5	19.8	267	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	95,000	1.6%	-11.7%	390,204	1.7	9.5	10,008	857.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	32,200	-0.9%	-11.7%	228,177	1.3	9.0	3,577	514.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	75,500	1.6%	-7.6%	135,394	3.7	119.6	631	64.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,550	1.5%	-3.7%	120,968	1.3	7.7	3,042	232.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	75,300	-0.9%	-6.3%	108,877	3.1	27.8	2,710	463.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HVN	24,750	0.0%	-10.5%	77,010	12.8	8.4	2,947	48.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	15,250	-1.6%	-5.6%	70,054	1.0	5.8	2,614	1,031.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	27,000	-3.6%	-9.2%	61,353	1.3	9.5	2,837	193.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,510	1.09%	-10.58%	13,600	108.9%	581	0.6	11.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	25,600	-0.39%	-9.70%	52,100	103.5%	1,805	1.0	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,750	1.90%	-4.46%	48,500	81.3%	943	1.6	28.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	11,150	0.45%	-11.51%	20,000	79.4%	862	0.6	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	14,800	-1.99%	-4.82%	25,500	72.3%	353	1.2	41.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	14,100	-3.09%	-10.48%	24,000	70.2%	229	1.1	61.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	35,950	2.57%	-9.90%	54,000	50.2%	1,638	1.8	22.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,550	1.51%	-3.68%	33,300	41.4%	3,042	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	27,000	-0.55%	-6.57%	38,000	40.7%	3,024	1.3	8.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FPT	84,400	-0.82%	-6.74%	116,600	38.2%	5,511	3.9	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	47,300	0.53%	-8.51%	64,100	35.5%	3,130	2.5	15.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
SZC	31,500	-2.02%	-9.22%	42,400	34.6%	1,917	1.8	16.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MSN	75,300	-0.92%	-6.34%	101,200	34.4%	2,710	3.1	27.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDC	18,550	0.27%	-13.11%	24,600	32.6%	3,200	1.3	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	34,800	-1.97%	-4.00%	45,800	31.6%	3,342	1.2	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HPG	27,250	-1.62%	-7.31%	35,700	31.0%	2,013	1.6	13.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	17,650	-0.28%	-5.87%	23,100	30.9%	1,726	0.9	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	28,300	-1.39%	2.54%	37,000	30.7%	1,907	1.5	14.8	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BWE	45,250	0.89%	2.84%	58,700	29.7%	4,506	1.7	10.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SAB	45,650	-0.76%	-7.03%	59,000	29.2%	3,449	2.8	13.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn